

Số: 314 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 18 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ và gia công giấy vàng mã xuất khẩu tại xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH XNK Tập đoàn Đại Phát

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ và gia công giấy vàng mã xuất khẩu tại xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Văn bản số 10949/STNMT-BVMT ngày 23/11/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM Dự án Nhà máy sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ và gia công giấy vàng mã xuất khẩu tại xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn của Công ty TNHH XNK Tập đoàn Đại Phát;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 40/Tr-STNMT ngày 10/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ và gia công giấy vàng mã xuất khẩu (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH XNK Tập đoàn Đại Phát (sau

đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ và gia công giấy vàng mã xuất khẩu của Công ty TNHH XNK Tập đoàn Đại Phát thực hiện tại xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn, Giám đốc Công ty TNHH XNK Tập đoàn Đại Phát và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Thọ Vực (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án nhà máy sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ và gia công giấy vàng mã xuất khẩu
tại xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn của Công ty TNHH XNK
Tập đoàn Đại Phát

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ và gia công giấy vàng mã xuất khẩu.
- Địa điểm thực hiện: tại xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH XNK Tập đoàn Đại Phát;
- + Người đại diện: Ông Trịnh Đình Nam; Chức vụ: Giám đốc
- + Địa chỉ: SN 12/01 Đặng Tiến Đông, phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Dự án thuộc địa giới hành chính xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ranh giới khu vực dự án cụ thể như sau:
 - + Phía Tây Bắc giáp Nhà máy may Ivory Triệu Sơn.
 - + Phía Đông Bắc giáp đất nông nghiệp (giáp lô đất CN-04 theo quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn đến năm 2030).
 - + Phía Đông Nam giáp đất nông nghiệp.
 - + Phía Tây Nam giáp hành lang đường gom Quốc lộ 47C.
- Quy mô dự án: Tổng diện tích xây dựng của dự án là 19.650,6 m².
- Công nghệ sản xuất:
 - + Quy trình sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ: Sản phẩm đồ gỗ đã được ghép ván thành phẩm, trạm → Chà nhám, đánh bóng → Phun sơn, đánh bóng → Sản phẩm hoàn thiện trưng bày, xuất bán.
 - + Quy trình gia công giấy vàng mã: Giấy đế dạng lô → Dán bạc, thoa vàng → Mài phẳng → Cắt mép → Đóng đai → Kiểm tra, lưu kho.
- Công suất:
 - + Xưởng sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ: 10.000 sản phẩm đồ gỗ/năm.
 - + Xưởng gia công giấy vàng mã: 4.500 tấn sản phẩm/năm.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình:
 - + Các hạng mục công trình chính: Nhà giới thiệu trưng bày sản phẩm (diện tích xây dựng 880 m², quy mô tầng cao: 01 tầng); 02 nhà điều hành (diện tích 180 m², quy mô 1 tầng); 01 nhà ăn, nghỉ ca (diện tích 880 m², quy mô 01 tầng); 02 nhà xưởng sản xuất (diện tích xây dựng 2.820 m²; quy mô 01 tầng);

02 nhà xưởng cơ khí (diện tích 75m², quy mô 1 tầng).

+ Các hạng mục công trình phụ trợ: Nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, nhà bơm PCCC, bể chứa nước ngầm, sân đường nội bộ.

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống thoát nước mưa, nước thải, hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất: 40m³/ ngày đêm); kho chứa chất thải.

- Hoạt động của dự án:

+ Thi công xây dựng các công trình phục vụ Dự án

+ Vận hành dự án: Nhà máy sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ và gia công giấy vàng mã xuất khẩu.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát quang thực vật, vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động nhập, xuất nguyên liệu, sản phẩm tại dự án, trưng bày tại dự án; quá trình sản xuất đồ gỗ, quá trình sản xuất giấy vàng mã, sinh hoạt của cán bộ nhân viên, khách giao dịch tại dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình tắm rửa, giặt giũ và từ nhà vệ sinh trong khoảng 1,32 m³/ngày (trong đó: Nước thải từ quá trình vệ sinh tay chân là 0,66 m³. Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) là 0,66 m³/ngày). Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển...phát sinh khoảng 3 m³/ngày với thành phần nước thải chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, đá, vôi vữa, xi măng. Đặc tính ô nhiễm của các chất thải này là gây cản trở sự khuếch tán oxy vào nước, nước có độ pH cao, gây ảnh hưởng đến cuộc sống các loài thủy sinh trong khu vực.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công có lưu lượng là 86,77 lít/s, hoạt động san gạt mặt bằng kéo theo nhiều bùn đất, cát, rác thải,... gây bồi lắng lưu vực tiếp nhận.

3.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Quá trình san nền, quá trình thi công, đào đắp, san gạt, quá trình trút đổ vật liệu, quá trình trộn vữa: gây phát sinh bụi, khí thải như: CO, SO₂, NO₂,....

Hoạt động máy móc thi công: gây phát sinh bụi, khí thải như: VOC, CO, SO₂, NO₂, NO_x...

Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu: Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, phát sinh các khí thải: bụi bốc bay, CO, SO₂, NO₂.

3.1.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 25 kg/ngày trong quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Tổng khối lượng sinh khối thực vật phát quang là: Khoảng 0,82 tấn.

+ Đá, cát rơi vãi trong quá trình xây dựng: Khoảng 25,53 tấn.

+ Các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng khoảng 12,53 tấn.

+ Đất đào bóc phong hóa khối lượng 2.837,78 m³.

+ Đất dư thừa từ quá trình đào đắp hố móng có khối lượng 352,6 m³ tương ứng 493,64 tấn.

3.1.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải rắn nguy hại phát sinh khối lượng khoảng 12,0 kg/giai đoạn thi công. Thành phần bao gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa, dầu, mỡ thải,...

3.1.5. Nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

3.1.6. Các tác động khác:

- Tai nạn lao động: Sự cố tai nạn lao động có thể xảy ra bất ngờ trong nhiều tình huống khác nhau trong quá trình triển khai thi công dự án.

- Sự cố do cháy nổ: Sự cố cháy nổ có thể xảy ra do sự thiếu an toàn về hệ thống cấp điện tạm thời, việc bất cẩn do sử dụng lửa của công nhân xây dựng gây nên các thiệt hại về người và tài sản.

- Tai nạn giao thông, hư hỏng các tuyến đường giao thông: Trong quá trình thi công vận chuyển nguyên vật liệu trong thời gian dài khiến chất lượng các tuyến đường bị giảm sút và gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên tuyến đường phương tiện đi qua.

- Tác động do lấy đất lúa: Việc lấy đất lúa làm thay đổi cảnh quan, hệ sinh thái khu vực, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng không lớn; Ảnh hưởng đến thu nhập do mất vĩnh viễn đất lúa 02 vụ của 46 hộ dân và đất lúa 1 vụ của 5 hộ dân trong khu vực dự án.

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ hoạt động của cán bộ, nhân viên, khách đến mua hàng của dự án có lưu lượng khoảng 35,2 m³/ngày.đêm. Trong đó: Nước thải nhà vệ sinh: 12,35m³/ngày đêm; nước thải từ nhà ăn: 8,75 m³/ngày đêm; nước thải từ quá trình tắm, rửa tay chân 14,1 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: Chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD); các chất dinh dưỡng (N, P), phốt pho (P); vi sinh (coliform),...

- Nước thải sản xuất: Tại xưởng sản xuất vàng mã, nước được cấp phục vụ hoạt động rửa khung in. Theo số liệu thống kê thực tế lượng nước thải là 0,1 m³/ 1 lần rửa tương ứng 0,3 m³ nước rửa lô khung in/1 tháng.

- Lưu lượng nước mưa chảy tràn khoảng 162,5 lít/s. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ,...

3.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông phát sinh bụi bốc bay và các khí thải như: CO, C_xH_y, NO_x, SO₂, Aldehyd, bụi gây tác động ô nhiễm đến môi trường khu vực dự án.

- Quá trình sản xuất gỗ làm phát sinh bụi chủ yếu là bụi gỗ, sơn từ các công đoạn: Mài, chà nhám; sơn tại xưởng sản xuất đồ gỗ.

- Quá trình gia công vàng mã phát sinh hơi dung môi từ hoạt động in vàng mã.

- Khí thải từ hoạt động của các công trình xử lý môi trường: Các hơi khí độc hại như H₂S; NH₃; CH₄, ...phát sinh từ khu tập kết chất thải rắn tạm thời; khâu vận chuyển chất thải rắn; từ các công trình xử lý nước thải (cống rãnh; bể xử lý nước thải).

- Khí thải từ máy phát điện: Quá trình đốt dầu DO để vận hành máy phát điện phát sinh vào không khí các loại khí thải có chứa chất ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO và VOC gây ô nhiễm cho môi trường không khí.

- Khí thải từ quá trình nấu ăn: Quá trình nấu ăn khi đốt khí gas phát sinh vào không khí các loại khí thải có chứa các chất ô nhiễm như tại khu vực dự án như bụi, SO₂, NO_x, CO và VOC gây ô nhiễm cho môi trường không khí.

3.2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại dự án và khách đến giao dịch tại dự án có khối lượng khoảng 142 kg/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Chất thải rắn sản xuất từ hoạt động của xưởng gỗ: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ nhà xưởng sản xuất đồ gỗ là 133,78 kg/ngày (Bao gồm: bán thành phẩm bị lỗi hỏng: 100kg/ngày; 1,784 kg bụi gỗ/ ngày, giấy chà nhám đã qua sử dụng 32 kg/ngày).

+ Chất thải rắn từ hoạt động của xưởng sản xuất vàng mã: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ xưởng sản xuất vàng mã là 1.016,32 kg/ngày (Bao gồm: Giấy đế hỏng, không đạt yêu cầu 750 kg/ngày; Vĩa thừa của

tấm giấy bạc: 72,12 kg/ngày; Giấy mếp thừa: 144,2 kg/ngày; Dây buộc, thùng catong phát sinh: 50 kg/ngày).

- Chất thải rắn phát sinh từ hệ thống xử lý nước cấp: Các vật liệu lọc định kỳ 1 năm thay 1 lần. Tương ứng với khối lượng chất thải rắn tương ứng là: Sỏi, cát thạch anh thải: 160kg/năm.

- CTR vệ sinh môi trường: Khối lượng là 94,84 kg/ngày.

3.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Trong giai đoạn hoạt động của dự án chất thải nguy hại phát sinh bao gồm là pin, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy, rẻ lau dính dầu, vỏ thùng sơn, vỏ lọ keo dán gỗ, rẻ lau dính xăng (sử dụng lau khung in giấy vàng mã),... Khối lượng này phát sinh là 21,3 kg/ tháng.

- Than hoạt tính thải tại các công trình xử lý tại dự án: Tổng khối lượng than hoạt tính thải tại dự án là: 80 kg (bao gồm: than hoạt tính dùng làm vật liệu lọc xử lý nước cấp tần suất thay 1 năm/ thay 1 lần: 50 kg; than hoạt tính thải xử dụng làm vật liệu hấp thụ tại HTXLKT tần suất thay 1 năm/ thay 1 lần: 30kg.

- Tại công đoạn rửa lô khung in lượng chất thải lỏng nguy hại phát sinh là 0,1 m³/ 1 lần rửa lô khung in tương ứng lượng chất thải lỏng nguy hại phát sinh là 0,3m³/1 tháng.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

4.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a/ Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ quá trình rửa tay chân có lưu lượng là 0,66m³/ngày → Bể lắng của trạm rửa xe bố trí tại khu lán trại (dung tích bể 3,0m³, kích thước 2 m x 1,5 m x 1 m) → Hệ thống thoát nước chung của khu vực nằm dọc tuyến đường QL47C phía Tây - Nam dự án.

- Nước thải nhà vệ sinh có lưu lượng là 0,66 m³/ngày. Sử dụng 02 nhà vệ sinh di động có 2 buồng, nhà vệ sinh di động có kích thước: rộng 0,8m; dài 1,2m; cao 2,1m; gồm 3 ngăn (bể chứa chất thải có thể tích 1,8m³). Định kỳ 5 ngày/lần thuê đơn vị chức năng đến hút đưa đi xử lý theo quy định của pháp luật.

b/ Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng

Nước thải xây dựng (rửa xe, rửa thiết bị) → Bể lắng của khu rửa xe bố trí tại khu vực lán trại có dung tích 3 m³ (dung tích xây dựng 2,0m x 1,5m x 1m), chống thấm đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật (HDPE) → Hệ thống thoát nước chung của khu vực nằm dọc tuyến đường QL47C phía Tây - Nam dự án.

c/ Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

Khu vực lán trại và bãi tập kết nguyên vật liệu, máy móc thiết bị: Xây dựng hệ thống rãnh thông thủy, kích thước: 0,3m x 0,4m, có tổng chiều dài khoảng 50 m để thoát nước mưa chảy tràn, trên các đường thoát nước bố trí một hố thu có thể tích 0,5m x 0,5m x 0,5m để lắng sơ bộ các chất rắn lơ lửng chảy vào môi trường tiếp nhận mượn thoát nước chung dọc tuyến đường QL47C phía Tây - Nam dự án.

- Thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Trang bị 01 máy bơm nước hồ móng để tránh hiện tượng ngập úng khi mưa.

4.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính,...theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phun nước tạo ẩm, giảm bụi phát tán trong khu vực thi công, sử dụng xe để tưới nước làm ẩm khu vực thực hiện dự án, làm đến đâu, tưới ẩm đến đó; đặc biệt khu vực đi qua dân cư trên tuyến đường QL47C phía Tây - Nam dự án và tuyến đường liên xã.

- Các chất thải phát sinh từ giai đoạn triển khai xây dựng không đốt tại khu vực dự án.

- Các máy móc tham gia hoạt động san gạt, lu lèn như máy lu, máy ủi phải thực hiện việc đăng kiểm, đảm bảo chất lượng.

- Tại công trường vào công trường (cạnh khu vực lán trại phục vụ quá trình thi công dự án) bố trí khu vực rửa xe và thiết bị thi công trước khi ra khỏi công trường.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe. Phun nước rửa sạch bùn đất dính bám trên lớp xe trước khi ra khỏi công trường.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

a/ Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt:

Trang bị 03 thùng đựng rác có nắp đậy (dung tích 20 lít/thùng) tại vị trí lán trại công nhân và khu vực công trường thi công. Thuê đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

b/ Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Khối lượng phát quang thảm phủ thực vật (0,82 tấn): Thu gom và hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đất đào bóc phong hóa khối lượng 2.837,78 m³ được tiến hành đổ tại 5.415 m² đất trồng mạ thuộc thửa đất số 94, tờ bản đồ số 7 Bản đồ địa chính xã Thọ Vực đo vẽ năm 2011 (có văn bản chấp thuận đổ thải)

- Chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá là: 25,53 tấn: Sử dụng để làm lớp lót sân đường nội bộ.

- Chất thải rắn từ các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng là 12,53 tấn: Công nhân thu gom và tận dụng một phần làm phế liệu, phần còn lại như ván gỗ chủ đầu tư thuê đơn vị môi trường có chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo quy định.

- Đất dư thừa từ quá trình đào đắp hồ móng 352,6 m³ tương đương 493,64 tấn: Tận dụng để đầm nền sân đường nội bộ.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị 03 thùng chứa (02 thùng đựng chất thải nguy hại dạng rắn có thể tích 20 lít/thùng, 01 thùng đựng chất thải nguy hại dạng lỏng với thể tích 100 lít/thùng) chứa chất thải rắn và lỏng riêng biệt có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa. Hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý.

4.1.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công; trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị chống ồn cho công nhân thi công.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn khi không cần thiết để giảm tới mức thấp nhất.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi hoạt động tại công trường không quá 5,0 km/h;

- Hạn chế các xe tải trọng lớn và các thiết bị gây ồn, rung lớn hoạt động vào ban đêm và giờ nghỉ ngơi của người dân vào buổi trưa.

4.1.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Các thiết bị điện và các đường điện tạm cấp điện sinh hoạt cho công nhân trong các khu lán trại phải thường xuyên được kiểm tra để tránh chập điện gây cháy nổ.

- Quy định phương tiện vận chuyển vật liệu vào dự án không được chạy quá tốc độ quy định trên các tuyến đường vận chuyển; Kịp thời sửa chữa, khắc phục những đoạn đường bị hỏng do quá trình vận chuyển nguyên vật liệu vào dự án gây ra.

- Thực hiện đền bù theo đúng quy định của pháp luật cho những hộ dân bị mất đất lúa.

4.2. Giai đoạn vận hành:

4.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a/ Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:

- Bố trí hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải; thường xuyên thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ.

- Nước mưa chảy tràn từ trên mái được thu gom qua đường ống PVC D110 vào hệ thống cống thoát nước mưa BTCT D600 kết hợp với rãnh thoát nước mưa B400 với tổng chiều dài L= 478m, qua các hố ga để lắng cặn tự chảy vào tuyến mương hiện trạng phía Tây - Nam dự án.

b/ Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

b1/ Đối với nước thải sinh hoạt:

- Nước thải nhà tắm, rửa lưu lượng 12,35 m³ → Tách rác thô → Đường ống nhựa PVC D110 → Modul Bastafat-F công suất 40,0 m³/ngày.đêm.

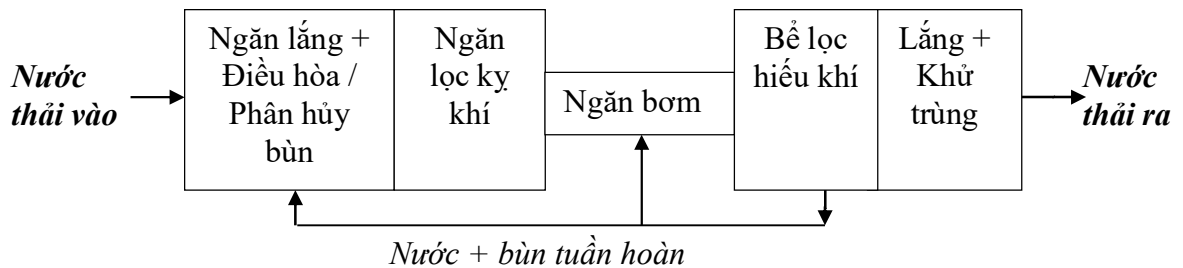
- Nước thải dội vệ sinh lưu lượng 12,35 m³ → Xử lý sơ bộ qua 3 bể tự hoại 3 ngăn (bao gồm: 1 bể thể tích 3m³/bể kích thước LxWxH = 2m x 1m x 1,5m; 1 bể thể tích 3m³/bể kích thước LxWxH = 2m x 1m x 1,5m, 2 bể thể tích

32m³/bể kích thước LxWxH = 4m x 4m x 2m) đặt ngầm dưới mỗi nhà vệ sinh → Modul Bastafat-F công suất 40,0 m³/ngày.đêm.

- Nước thải nhà bếp lưu lượng 10,5 m³ → Bể tách dầu mỡ thể tích 6 m³ → Modul Bastafat-F công suất 40,0 m³/ngày.đêm.

- Modul Bastafat-F công suất 40,0 m³/ngày đêm đặt ngầm ở phía Đông dự án. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt → Tuyến mương hiện trạng dọc tuyến đường phía Tây – Nam dự án.

Sơ đồ nguyên lý hoạt động của hệ thống XLNT hợp khối bằng vật liệu Composite như sau:



b2/ Đối với nước thải sản xuất:

Đối với lưu lượng nước thải rửa lô in tại xưởng gia công vàng mã là chất thải lỏng nguy hại được thu gom, lưu chứa trong 1 thùng phi thể tích 500 lít. Định kỳ 1 tháng 1 lần chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý theo quy định của pháp luật.

4.2.2. Về bụi, khí thải

- Phun tưới nước làm ẩm mặt đường khu vực dự án trong những ngày hanh nóng nhằm hạn chế một phần bụi, đất cát có thể theo gió phát tán vào không khí.

- Bố trí cây xanh trong khuôn viên dự án theo quy hoạch.

- Trang bị thiết bị thu gom và xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất, gồm:

+ Bụi phát sinh từ công đoạn chà nhám → Chụp hút di động → Quạt hút → Ống dẫn bụi → Thiết bị lọc bụi túi vải Dr. Clean Air. Định kỳ 1 ngày/lần công nhân vệ sinh môi trường giữ túi vải để đảm bảo hiệu quả hoạt động của thiết bị. Thu gom toàn bộ lượng bụi đưa về kho chứa chất thải dự án.

+ Khí thải từ công đoạn phun sơn → Chụp hút (đặt cạnh thiết bị sơn) → Quạt hút → Ống dẫn khí D76 → Tháp hấp phụ (sử dụng vật liệu hấp phụ than hoạt tính) → Ống thoát khí cao 15m.

- Khu vực in tại xưởng gia công vàng mã được thiết kế thông thoáng, sử dụng vật liệu chống nóng, lắp đặt hệ thống thông gió tự nhiên theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết như khẩu trang cacbon, tạp dề, bao tay,... cho công nhân làm việc trong khu vực có khả năng phát sinh hơi dung môi.

- Khu vực nhà bếp trang bị thiết bị hút, lọc khói bếp có kích thước: dài 1,5m x rộng 0,8m, mùi, khí thải được hút theo hệ thống đường ống dẫn khí sau đó được thải ra ngoài tại độ cao 5m.

- Tại các bãi tập kết rác thường xuyên quét dọn, phun xịt chất diệt khuẩn, khử mùi tránh phát sinh mùi hôi thối ra môi trường.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý CTR thông thường

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Bố trí các thùng chứa rác loại 50 lít/thùng, có nắp đậy tại sân đường nội bộ; các thùng đựng rác loại 5-10 lít/thùng có nắp đậy tại nhà trung bày giới thiệu sản phẩm, nhà điều hành, nhà ăn nghỉ ca, nhà xưởng sản xuất. Hàng ngày, rác thải được tập kết vào các thùng rác (loại 240 lít/ thùng) có nắp đậy và có bánh xe đặt trong kho chứa chất thải rắn (bố trí cạnh khu vực XLNT phía Đông dự án, kích thước BxLxH= 5mx3mx3m).

b. Chất thải rắn thông thường

- Chất thải từ xưởng sản xuất đồ gỗ: Bụi từ hoạt động giữ túi vải được thu gom, đưa về 01 thùng chứa thể tích 240 lit đặt trong kho chứa chất thải bố trí cạnh khu vực XLNT phía Đông dự ; Bán thành phẩm lỗi hỏng sẽ được tập kết tại góc phía Đông nhà xưởng sản xuất gỗ trước khi trả lại cho cơ sở cung ứng để có phương án thay thế, bồi hoàn; Miếng giấy trà nhám được thu gom đưa về 01 thùng chứa thể tích 240 lit đặt trong kho chứa chất thải bố trí cạnh khu vực XLNT phía Đông dự án.

- Chất thải từ hoạt động của xưởng sản xuất vàng mã: Giấy để hỏng, giấy vàng mã hỏng, không đạt yêu cầu sẽ được công nhân thu gom, tập kết tại góc phía Đông của xưởng sản xuất vàng mã sau đó bán lại cho các đơn vị sản xuất giấy để để tuần hoàn, tái sản xuất; Dây buộc, thùng catton sẽ thu gom đưa về kho chứa chất thải bố trí cạnh khu vực XLNT phía Đông để lưu và bán cho cơ sở tái chế.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn từ hệ thống xử lý nước cấp: Các vật liệu lọc định kỳ 1 năm thay 1 lần sau đó được thu gom và thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý như chất thải thông thường.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn từ hoạt động vệ sinh môi trường: Chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị chức năng định kỳ 3 tháng 1 lần tới nạo vét, hạn chế ách tắc dòng chảy, bốc mùi hôi thối, ảnh hưởng đến môi trường.

4.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Đối với các chất thải nguy hại có thành phần là pin, bóng đèn neon, ác quy, vỏ thùng sơn, keo dán, mực thải, chất tẩy rửa, than hoạt tính thải có thành phần nguy hại đựng trong các thùng chứa rác thải nguy hại thể tích 50 lit đặt tại khu chứa chất thải nguy hại, xung quanh khu vực chứa CTNH được bao quanh bằng tôn sóng mạ Zinxalum 0,47mm. Định kỳ 1 năm 1 lần chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với chất thải lỏng nguy hại là nước thải rửa lô khung in đựng trong 1 thùng phi thể tích 500 lít. Định kỳ 1 tháng 1 lần chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Theo quy định tại Điều 111, 112, Luật BVMT 2020; Điều 97, 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường nước thải, bụi, khí thải.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các - thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.